TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh;

Ông Nguyễn văn Thắng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1547/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 1573/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Xuân N, trú tại: Thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị T, trú tại: Thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 9 năm 2018, bản tự khai của nguyên đơn là anh Phạm Xuân N trình bày:

Anh Phạm Xuân N và chị Phạm Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 9 năm 2013. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình anh N ở Thôn L, xã T, huyện A, thành

phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách, lối sống vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau, chị T không quan tâm đến gia đình và con cái. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ được, anh N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T. Về con chung: anh N và chị T có 01 con chung là Phạm Thảo P, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2014. Ly hôn anh N đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ: anh N trình bày vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn chị Phạm Thị T có lời khai trình bày thống nhất với anh N về thời gian và điều kiện kết hôn. Về quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp nhau, thường xảy ra cãi nhau, nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh N có đơn xin ly hôn chị T đồng ly hôn với anh N. Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung như anh N trình bày, chị T đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ: Chị T xác nhận vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án xem xét.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Phạm Xuân N đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chị Phạm Thị T không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 53, 56, 57, 81, 82, và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh N được ly hôn chị T; về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con Phạm Thảo P, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2014 cho anh N nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, tạm hoãn việc chị T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, công nợ: Anh N không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí tòa án, anh N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là anh Phạm Xuân N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là chị Phạm Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt mặc dù tòa án đã tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N và chị T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Phạm Xuân N và chị Phạm Thị T kết hôn trên cở sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách, lối sống vợ chồng không hợp nhau và nghi ngờ nhau, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng anh N và chị T đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh N và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của anh N là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên xử cho anh N được ly hôn với chị T

[3] *Về con chung*: Anh N và chị T có 01 con chung là Phạm Thảo P, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2014. Tại phiên tòa hôm nay anh N và chị T đều vắng mặt nhưng có lời khai trình bày đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét anh N có công việc, thu nhập ổn định, nơi ở rộng rãi và hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng con. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con cho anh N nuôi con và tạm hoãn việc chị T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] *Về tài sản chung, công nợ*: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho anh Phạm Xuân N và chị Phạm Thị T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con Phạm Thảo P, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2014 cho anh Phạm Xuân N nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc chị Phạm Thị T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phạm Xuân N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Phạm Xuân N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016975 ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Xuân N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Phạm Xuân N và chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hải

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải